

ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ KHUYẾN NÔNG HÀ NỘI

Phạm Bảo Dương*, Đặng Thị Bích Hoài**, Nguyễn Thị Thanh Minh***

Nhằm thúc đẩy quá trình phát triển đất nước, Chính phủ đã ban hành hàng loạt chính sách phát triển nông nghiệp, trong đó có sự đổi mới chính sách khuyến nông, điển hình là việc thành lập Quỹ Khuyến nông (QKN). Theo đánh giá của nghiên cứu tại thành phố Hà Nội, mô hình tổ chức và hoạt động của QKN bước đầu đã phần nào giải quyết được nguồn lực vốn, một vấn đề nóng của người sản xuất nông nghiệp (SXNN) hiện nay. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng nhu cầu vay vốn của nông dân vẫn còn rất lớn và khả năng tiếp cận nguồn vốn ưu đãi này còn hạn chế. Bằng phương pháp thống kê kinh tế và các công cụ chủ yếu của PRA, bài viết tập trung vào việc đánh giá mô hình tổ chức và hoạt động của QKN Hà Nội, tìm ra các bất cập còn tồn tại, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả và khả năng nhân rộng của Quỹ.

Từ khóa: Mô hình, Tổ chức, Hoạt động, Quỹ khuyến nông

1. Đặt vấn đề

Nông nghiệp – nông thôn là khu vực sinh lời thấp, chi phí cao, dễ gặp phải nhiều rủi ro như thiên tai, dịch bệnh, khả năng trả nợ của khách hàng thấp... nên các luồng vốn thương mại đầu tư vào không nhiều. Đặc biệt trong hoạt động khuyến nông, việc nhân rộng và phát triển các mô hình trình diễn trên quy mô lớn, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật (TBKT) mới gặp nhiều khó khăn do đòi hỏi chi phí đầu tư cao mà hầu hết các hộ nông dân lại không có nhiều vốn. Hơn nữa, vốn ngân hàng thường có lãi suất cao, khó tiếp cận, thời gian vay vốn cũng chưa thực sự phù hợp với tính chất mùa vụ của hộ hoạt động SXNN. Do đó, nhu cầu khách quan cùng với việc tuyên truyền các mô hình TBKT cần thiết hình thành nên nguồn tài chính thiết thực, cho vay ưu đãi, hỗ trợ nhân rộng và phát triển các mô hình này vào SX.

Hà Nội là địa phương đầu tiên của cả nước thành lập QKN với mục tiêu khuyến khích các hộ nông dân, chủ trang trại vay vốn mở rộng và phát triển các mô hình KN tiên tiến. Qua hơn 10 năm hoạt động, mô hình QKN đã giúp hàng nghìn hộ Thủ đô được chuyển giao TBKT có hiệu quả, hình thành vùng SX hàng hóa chất lượng cao, nâng cao mức sống cho người lao động trong lĩnh vực NN và phát triển kinh tế nông thôn. Mặc dù đã có những thành công nhất định, nhưng rất nhiều hộ SXNN vẫn chưa được đáp ứng đủ nhu cầu về vốn, gặp

những khó khăn khi tiếp cận với nguồn quỹ cho vay... Các câu hỏi được đặt ra là: (i) mô hình tổ chức của QKN Hà Nội như thế nào? (ii) hoạt động của QKN ra sao? (iii) tác động của QKN đến hoạt động sản xuất của hộ nông dân? (iv) điều kiện nào để QKN hoạt động tốt và nhân rộng? và (v) giải pháp nào nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của QKN?

Bài viết này hướng tới mục tiêu đánh giá đúng hiệu quả tổ chức và hoạt động mô hình Quỹ, tập trung phân tích các hạn chế còn tồn tại, từ đó kiến nghị một số giải pháp hoàn thiện và tăng khả năng nhân rộng mô hình QKN.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp bao gồm các văn bản chính sách liên quan, tài liệu đã được công bố từ Trung tâm khuyến nông (TTKN) Hà Nội... Các thông tin sơ cấp được điều tra từ 70 hộ SXNN tại 2 huyện có hoạt động KN tương đối mạnh thuộc Hà Nội là huyện Đông Anh và huyện Chương Mỹ, trong đó mỗi điểm là 35 hộ. Ngoài ra các phương pháp phỏng vấn sâu được sử dụng để thu thập thêm thông tin nổi bật từ người dân, cán bộ tham gia quản lý Quỹ.

Các thông tin thu thập được phân tích chủ yếu bằng phương pháp thống kê mô tả và so sánh dựa theo các tiêu chí chủ yếu như: tỷ lệ các hộ biết hoạt

động QKN, tỷ lệ các hộ được vay vốn từ QKN, tỷ lệ hộ thường xuyên được vay quỹ, mức quỹ được vay,... để đánh giá được hiệu quả hoạt động của mô hình và tổ chức QKN.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Mô hình tổ chức QKN Hà Nội

Về cơ sở pháp lý: QKN được thành lập theo Quyết định số 26/2002/QĐ-UBND của UBND thành phố ngày 27/02/2002. Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ tiếp tục hoàn thiện theo Quyết định 142/2007/QĐ-UBND ngày 10/12/2007 của UBND Hà Nội. Tuy nhiên, các văn bản pháp lý này vẫn chưa đủ mạnh, vẫn còn tồn tại nhiều nội dung như: định mức, thời gian, đối tượng cho vay,... chưa phù hợp với thực tiễn hiện nay.

Về tổ chức bộ máy: Khi mới hình thành, nguồn ngân sách cấp cho Quỹ còn ít nên hoạt động ban đầu của Quỹ được Sở NN&PTNT giao cho TTKN Thành phố, cùng một số cán bộ các phòng chuyên môn và một số trạm KN kiêm nhiệm trực tiếp triển khai, quản lý. Đến năm 2008, sau khi ban hành Quyết định 142/2007/QĐ-UBND, tổ chức bộ máy chỉ đạo hoạt động của QKN được củng cố: “Hội đồng thẩm định cấp Thành phố”, do một Phó Giám đốc Sở NN&PTNT làm Chủ tịch Hội đồng, Giám đốc QKN là Phó Chủ tịch Hội đồng, và các thành viên Hội đồng; Giám đốc TTKN kiêm nhiệm Giám đốc Quỹ. Giúp việc cho giám đốc Quỹ gồm các bộ phận hỗ trợ là Hội đồng thẩm định cấp cơ sở và Tiểu ban quản lý QKN thuộc các trạm KN quận, huyện, thị xã. Nhìn chung, tổ chức bộ máy quản lý QKN chặt chẽ nhưng vẫn phức tạp bởi hạn chế về phân hạn trách nhiệm bộ máy đối với thẩm định dự án, thủ tục vay vốn,...

Về quản lý và sử dụng QKN: Hàng năm TTKN đều xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết cho Quỹ từ việc khảo sát nhu cầu vay vốn của các hộ trên địa bàn, đệ trình Sở NN&PTNT, Sở Tài chính Hà Nội phê duyệt. TTKN cũng phối hợp chặt chẽ với UBND các quận, huyện, xã, phường trong quá trình quản lý, sử dụng Quỹ. Để đảm bảo Quỹ được sử dụng đúng mục đích, phù hợp với quy hoạch của địa phương, không để xảy ra hiện tượng thất thoát nguồn vốn. Theo quy định của QKN, các đối tượng được vay hiện nay bao gồm: Những hộ, trang trại đang sản xuất với điều kiện có tài sản thế chấp, làm đơn, xây dựng phương án, nếu đủ điều kiện sẽ tiến hành thẩm định hồ sơ cho vay. Với mức vay tối

thiểu 50 triệu đồng, nhưng không quá 500 triệu đồng/phương án, trả lãi 6 tháng/lần, lãi suất 6% năm (phí quản lý) và thời gian không quá 36 tháng tùy theo từng phương án.

Bất kỳ hộ SXNN nào muốn vay vốn từ QKN cũng phải lập phương án SX-KD, và phải qua 2 bước: thẩm định cấp cơ sở và thẩm định cấp Thành phố đối với những hộ vay từ 100 triệu đồng trở lên. Hội đồng thẩm định cấp thành phố quyết định mức cho vay cụ thể, nên vốn tới tay bà con mất khá nhiều thời gian, đôi khi còn bị lỡ thời vụ. Như vậy, hoạt động của QKN còn mang nặng tính quản lý vốn, chưa theo sát các đặc điểm kinh tế - kỹ thuật SX của hộ.

Công tác kiểm tra: QKN tiến hành xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, hoặc đột xuất đối với việc sử dụng vốn của các hộ SXNN. Hàng năm thường tổ chức từ 2 – 3 cuộc kiểm tra có sự tham gia của Sở NN&PTNT và Sở Tài chính.

3.2. Hoạt động của QKN Hà Nội

3.2.1. Huy động nguồn vốn cho QKN

Mục tiêu của Quỹ là tạo ra nguồn vốn ổn định, chủ động nhằm tiếp sức các hộ SXNN... phát triển các mô hình KN tiên tiến. Ban đầu Quỹ được hình thành với 5 tỷ đồng do ngân sách Thành phố cấp, và bổ sung hàng năm theo Quyết định của UBND Thành phố (từ tỷ lệ (%) trích từ khoản thu phí quản lý Quỹ, nguồn vốn kết dư của Quỹ năm trước chuyển sang, các khoản viện trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật). Hiện nay, tổng số vốn quay vòng của Quỹ đạt 259 tỷ đồng (Báo cáo quyết toán QKN Hà Nội, 2013).

Tuy nhiên, nhu cầu vốn thực tiễn của các hộ là rất lớn. QKN cần chủ động huy động vốn, trước tiên là các nguồn kinh phí đóng góp của các địa phương (huyện, xã) và/hoặc trích khoảng 20– 30% tổng kinh phí KN hàng năm để bổ sung tăng vốn cho Quỹ. Ngoài ra, QKN cần có cơ chế huy động, kêu gọi các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân khác hỗ trợ. Có thể nghiên cứu cơ chế cho phép Quỹ được quyền huy động vốn trong xã hội như hoạt động của Quỹ Tín dụng nhân dân hiện nay.

3.2.2. Tình hình tiếp cận

35,71% hộ điều tra nắm đầy đủ thông tin để có thể vay vốn từ QKN. Tuy nhiên, có đến 23,3% hộ không biết thông tin, 40% hộ có biết một ít thông tin nhưng không thực sự hiểu rõ về thủ tục cũng như lãi

Bảng 1: Tình hình tiếp cận QKN

	Chỉ tiêu	Cơ cấu (%)
1. Thông tin về quỹ (n=70)	Biết rõ	35.71
	Biết một ít	40.00
	Không biết	24.29
2. Nhu cầu vay quỹ	Hộ có nhu cầu vay vốn từ QKN (n=70)	80.00
	Hộ làm đơn vay vốn so với hộ có nhu cầu vay (n=56)	87.50
	Hộ làm đơn vay có đủ điều kiện vay (n=49)	89.80
3. Tình hình vay quỹ (n=49)	Được vay	89.80
	Không được vay	10.21

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra.

Hộp 1: Thiếu nguồn thông tin đến người dân

“Bác có nghe đến QKN trên đài thôi, chứ có biết chính xác nó như thế nào đâu, cũng chẳng thấy cán bộ KN phổ biến gì cả. Mà những vấn đề ngon nghề thì họ cũng báo với người anh em, người thân trước, chứ đâu đến lượt mình”.

Bác N.V.L, thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh

suất cho vay của QKN. Như vậy, đa số các hộ được phỏng vấn đều không biết hoặc hiểu biết không chính xác về hoạt động của QKN. Điều đó ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận được nguồn vốn, và phản ánh sự yếu kém trong công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin của QKN.

Mặt khác, có đến 80% số hộ trong mẫu điều tra có nhu cầu vay vốn tại QKN. Nhưng chỉ có 87,5% số hộ mạnh dạn làm đơn vay vốn trong số các hộ có nhu cầu vay. Và gần 90% số hộ được vay vốn trong các hộ làm đơn vì đáp ứng được điều kiện vay. Sở dĩ có nhiều hộ có nhu cầu muốn vay vì họ muốn được hưởng lãi suất ưu đãi và số vốn vay lớn. Vẫn còn 12,5% hộ có nhu cầu nhưng không muốn làm đơn vì cảm thấy thủ tục vay vốn phức tạp.

Theo kết quả tổng hợp điều tra, 62,86% số hộ đã từng vay vốn, hầu hết họ là những hộ SX tiên tiến, dễ tiếp cận được với nguồn vốn khi có đầy đủ thông tin hoạt động của QKN. 37,14% số hộ chưa từng vay vốn tại QKN tiến hành vay từ các nguồn khác

như Ngân hàng NN&PTNT, Chính sách xã hội hay từ anh em, bạn bè,... Tuy nhiên, số lượng vốn vay qua các kênh trên thường dưới 30 triệu nên chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu về vốn của hộ.

3.2.3. Thủ tục cho vay vốn

Quy trình về thủ tục và phương thức cho vay ảnh hưởng lớn đến hiệu quả mô hình QKN. Nếu thủ tục cho vay đơn giản gọn nhẹ thì hộ có thể tiếp cận được nhiều hơn. Tuy nhiên, 47,17% hộ điều tra cho rằng QKN có thủ tục và phương thức cho vay tương đối phức tạp, quy trình thẩm định dài nên nhiều hộ có quy mô SX nhỏ, không có giấy chứng nhận trang trại hay chưa thuyết minh được dự án hiệu quả... khó tiếp cận được nguồn vốn này.

Như vậy, để giúp hộ SXNN có thể tiếp cận được nguồn vốn thì tổ chức Quỹ cần đơn giản hóa thủ tục cho vay, có sự linh hoạt đối với các trường hợp SX nhỏ muốn sử dụng QKN như một đòn bẩy để vươn lên làm giàu.

3.2.4. Mức vốn cho vay

Bảng 2: Mức độ tiếp cận QKN

	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)
1. Hộ đã từng vay vốn		62.86
	Hộ vay thường xuyên	70.45
	Hộ không vay thường xuyên	29.54
2. Hộ chưa từng vay vốn		37.14

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra.

Bảng 3: Đánh giá của hộ SX về thủ tục cho vay và mức vốn cho vay của Quỹ

	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)
1. Về thủ tục cho vay (n=53)	Dễ dàng	11.32
	Bình thường	41.51
	Khó khăn, rườm rà	47.17
2. Về mức vốn cho vay/lượt hộ (n=53)	Cao	47.17
	Trung bình	43.39
	Thấp	9.44

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra.

Hộp 2: Phức tạp trong quá trình vay vốn từ QKN

“Có lần nghe về thông tin QKN hỗ trợ vay vốn cho dân với lãi suất thấp tôi có ý định vay, nhưng thông tin ở xã rất ít, thủ tục vay phức tạp, đòi hỏi phải có giấy chứng nhận trang trại, rồi trình bày dự án có quy mô, phù hợp với định hướng phát triển của huyện. Nhà tôi chỉ là hộ chăn nuôi chưa có giấy chứng nhận trang trại thì làm sao vay được. Nên chẳng muốn vay nữa, tôi đi vay mấy anh em trong nhà rồi túc tắc chăn nuôi, cấy lúa quy mô cũng nhỏ thôi. Mà nghe nói có người vay được phải bồi dưỡng cán bộ một khoản kha khá đó”.

Ông L.V.D, thôn Châu Phong, xã Liên Hà, huyện Đông Anh

Phần lớn số hộ được phỏng vấn cho rằng mức vốn vay bình quân từ QKN khoảng 266 triệu đồng/lượt vay cao hơn hẳn so với các nguồn vay khác, cơ bản đáp ứng được nhu cầu SX của hộ. Tuy nhiên, 9,44% số mẫu khảo sát thấy mức vay vốn hiện còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của những hộ có quy mô SX lớn. Trong khi SXNN lại gặp nhiều rủi ro về giá cả về đầu vào – đầu ra (bảng 3).

3.2.5. Lãi suất, thời gian cho vay và chi phí vay vốn

Bên cạnh yếu tố thủ tục và mức vốn cho vay thì lãi suất, thời gian, chi phí vay cũng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động mô hình QKN. Đa số hộ điều tra đều có nhu cầu vay vì lãi suất ưu đãi với 0,5%/năm. Với ưu đãi lãi suất thấp như vậy dẫn đến sự nhầm lẫn của các hộ khi cho rằng nó giống như quỹ chính sách, xóa đói giảm nghèo. Tuy hoạt động QKN là hoạt động nửa tín dụng, có phạm vi giải ngân tương đối hẹp, nhưng nó có tác động lớn đến hiệu quả

Hộp 3: Cần nới rộng mức vay vốn từ QKN

“Hiện tại gia đình tôi đang có ý định xây dựng mô hình trang trại sinh thái, trong đó có một khu trưng bày sản phẩm làng nghề mộc của địa phương và khu hồ câu, dịch vụ bể bơi... Mặc dù mức vay tối đa của QKN là 500 triệu đồng, nhưng đối với những mô hình trang trại cần đầu tư lớn thì mức vay trên còn thấp. Vì thế, mong thành phố cần có chính sách nới rộng mức vay cao hơn nữa”.

Ông N.H.H, xã Vân Hà, huyện Đông Anh

Bảng 4: Đánh giá của hộ SX về lãi suất, thời gian cho vay và chi phí vay vốn của QKN

	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)
1. Lãi suất cho vay (n=53)	Cao	5.66
	Trung bình	43.39
	Thấp	50.95
2. Thời gian cho vay (n=53)	Dài	0.00
	Trung bình	35.85
	Ngắn	64.15
3. Chi phí vay vốn (n=53)	Tốn kém	50.94
	Bình thường	35.85
	Ít tốn kém	13.21

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra.

Hộp 4: Kéo dài thời gian cho vay

“Theo tôi, các thủ tục vốn cần được cải tiến thêm cho đơn giản và rút gọn hơn nữa. Ngoài ra, các mô hình về chăn nuôi, chu kỳ sản xuất dài, sau hơn 1 năm mới thu sản phẩm nên thời gian vay vốn dài hơn 3 năm là thích hợp. Thêm vào đó, Quỹ cần tiếp tục tạo điều kiện cho các hộ đã vay rồi được vay tiếp vào những lần sau để mở rộng thêm quy mô SX hơn nữa”.

Bác N.T.T, xã Đồng Lạc, huyện Chương Mỹ

Bảng 5: Mục đích sử dụng vốn vay từ QKN

Chỉ tiêu (n=44)	Tỷ lệ (%)
1. Chăn nuôi	45.45
2. Trồng trọt	15.91
3. Thủy sản	22.72
4. Ngành nghề nông thôn và mô hình SX kinh tế VAC	15.92

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra.

SXNN.

Mặt khác, 64,15% hộ điều tra phản ánh thời gian cho vay QKN ngắn, gây khó khăn cho hộ khi quay vòng vốn. Hơn nữa 50,94% hộ điều tra thấy mức phí tiền hành vay QKN là tốn kém, dẫn đến hạn chế tiếp cận của người dân đối với nguồn quỹ này.

3.2.6. Mục đích sử dụng vốn vay từ QKN

Theo điều tra, QKN cho 45,45% số hộ được vay vốn phát triển chăn nuôi lợn, gia cầm ở một số vùng tập trung, xa khu dân cư như Đồng Lạc (Chương Mỹ), Đại Mạch (Đông Anh)... Và 15,91% hộ phát triển trồng trọt với những mô hình sử dụng công nghệ lúa cây bằng máy, trồng cây cảnh. 22,72% hộ được vay tiến hành chuyển đổi trồng lúa năng suất thấp sang thâm canh thủy sản ở Tiên Phương (Chương Mỹ). Ngoài việc cho vay đối với những vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, QKN còn hỗ trợ cho những mô hình SX VAC tổng hợp và ngành nghề nông thôn.

Như vậy, với nguồn lực từ QKN nhiều mô hình SX đã tạo được tính mới và có sức lan tỏa khi được sử dụng tiến bộ KHKT. Mặt khác nghiên cứu nhận thấy rằng, nguồn Quỹ cho vay phát triển chăn nuôi chiếm tỷ lệ lớn nhất rất phù hợp với định hướng của Thành phố hiện nay là giảm tỷ trọng trồng trọt và tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi trong cơ cấu giá trị SXNN.

3.2.7. Sự tham gia của các bên trong triển khai thực hiện/giám sát hoạt động tín dụng của Quỹ

Về cơ bản, việc phối hợp của các Sở ngành thuộc

Hà Nội: Sở NN&PTNT; Sở Tài chính; Kho bạc Nhà nước Thành phố và TTKN trong công tác triển khai/kiểm tra giám sát hoạt động QKN được thực hiện đều đặn. Trong đó, Sở NN&PTNT đóng vai trò chủ trì Hội đồng thẩm định cấp Thành phố, tổ chức việc thanh tra, kiểm tra, kiểm soát định kỳ hoặc đột xuất hoạt động của Quỹ. Sở Tài chính tham gia Hội đồng thẩm định cấp Thành phố, phối hợp với Sở NN&PTNT quản lý Quỹ. Kho bạc Nhà nước thực hiện thu các khoản thu của Quỹ và kiểm soát chi theo quy định hiện hành của Nhà nước. TTKN đóng vai trò chủ trì Hội đồng thẩm định cấp cơ sở và tham gia Hội đồng thẩm định cấp Thành phố.

Nhưng công tác kiểm tra/giám sát của QKN vẫn mang tính hình thức là chính, cán bộ cấp huyện – xã chưa nắm rõ tiêu chí giám sát cụ thể với mỗi nội dung của hoạt động quản lý Quỹ. Và trong quá trình này, sự tham gia của người dân chưa đậm nét, điều đó không phù hợp với nguyên tắc dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

Vì vậy, TTKN cần phối hợp với các Sở ngành, các phòng ban liên quan tiến hành điều tra nhu cầu, những khó khăn của người dân khi tiếp cận Quỹ, đi sâu đi sát để kịp thời có các hướng dẫn, chỉ đạo cho người dân tham gia để sử dụng Quỹ có hiệu quả.

3.2.8. Kết quả bước đầu của QKN

QKN Hà Nội ra đời tạo thêm một kênh hỗ trợ vốn ưu đãi cho nông hộ. Quỹ đã giải ngân trực tiếp cho 2.079 lượt hộ; tạo việc làm cho gần 6.500 lao động ở khu vực nông thôn với thu nhập bình quân 2-3 triệu đồng/người/tháng; giá trị sản phẩm của các mô

Hộp 5: “Cú hích” làm giàu cho người nông dân

“Từ số vốn ban đầu cộng với nguồn vốn vay hỗ trợ 500 triệu từ QKN, gia đình tôi mạnh dạn mở rộng quy mô, mỗi năm trang trại lợn của tôi cung cấp ra thị trường trần tấm tấn thịt lợn hơi, gần 1000 con lợn giống chất lượng, trừ đi các khoản chi phí, gia đình tôi có lãi đến tiền tỷ”.

Ông N.T.T, xã Đông Lạc, huyện Chương Mỹ

hình, dự án kinh tế tăng từ 10 - 30% so với khi chưa được vay vốn, tạo ra khoảng 700- 750 tỷ đồng giá trị sản phẩm hàng hóa chất lượng cao... góp phần thực hiện Chương trình 02 của Thành ủy Hà Nội về “*Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, từng bước nâng cao đời sống nông dân*” (Báo cáo hoạt động QKN Hà Nội, 2013).

Tuy nhiên, so với tổng số 306.993 hộ SXNN hiện nay thì hiệu quả giải ngân của QKN chưa cao, mới đạt một tỷ lệ vô cùng nhỏ (chưa đến 0,0065%). Bởi bản thân QKN mới chỉ là mô hình thử nghiệm, cũng khá nhỏ và chỉ có riêng ở Hà Nội, nên nhiều hộ dân chưa tiếp cận được nguồn vốn này. Mặc dù vậy, QKN bước đầu có kết quả tốt và tiềm năng mở rộng ở Hà Nội, cũng như thu hút các tỉnh khác học tập, trao đổi kinh nghiệm triển khai, quản lý Quỹ.

Như vậy, có thể thấy tác động quan trọng nhất của Quỹ tới sự phát triển của Nông nghiệp – nông thôn là: đã đáp ứng nhu cầu vay vốn tương đối cao của hộ, để đổi mới và áp dụng những mô hình SX với TBKT mới nhằm xây dựng vùng SX hàng hóa tập trung, gắn kết từ SX đến tiêu thụ sản phẩm, bảo đảm bền vững. Ngoài ra, việc vay vốn lại được đi kèm theo với sự hướng dẫn, tư vấn kỹ thuật của các cán bộ KN nên làm tăng hiệu quả sử dụng vốn. Đây là điều khó có thể thực hiện được khi hộ tiếp cận các nguồn vốn của các ngân hàng thương mại do lãi suất cao, thời hạn và các điều kiện vay vốn phức tạp.

3.4. Điều kiện để QKN hoạt động tốt và nhân rộng

Điều kiện để QKN hoạt động tốt và nhân rộng phụ thuộc các yếu tố cơ bản sau: (1) Môi trường pháp lý, chính sách; (2) Rủi ro; (3) Cơ chế tổ chức và quản lý Quỹ; (4) Năng lực cán bộ và điều kiện cơ sở vật chất.

Môi trường pháp lý, chính sách: QKN muốn hoạt động có hiệu quả, rất cần những chính sách cho vay tín dụng ưu đãi hoặc hỗ trợ lãi suất trong khoảng thời gian nhất định, phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương và nhu cầu về vốn của người dân. Do đó, văn bản quy phạm pháp luật về điều lệ,

quy chế tổ chức vận hành QKN cần được ban hành minh bạch và rõ ràng.

Nguồn lực tài chính của Quỹ: Những hạn chế về tài chính là nguyên nhân dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện nội dung chính sách và tiếp cận QKN. Thực tế, việc cấp bù kinh phí cho QKN hiện nay là 20 tỷ đồng/năm là quá bé so với nhu cầu của người SX đang thiếu kinh phí đầu tư cho các mô hình KN theo quy định tại Nghị định 02/2010/NĐ-CP.

Rủi ro: SX NN có nhiều thời gian gặp rất nhiều khó khăn về thiên tai, dịch bệnh, giá cả vật tư luôn có chiều hướng tăng cao trong khi giá nông sản bấp bênh, 2 năm gần đây (2011- 2012) do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, nhiều ngành nghề có giai đoạn càng SX càng bị thua lỗ (đặc biệt là ngành chăn nuôi).

Cơ chế tổ chức và quản lý Quỹ: Để QKN phát huy tác dụng và hiệu quả lớn, cần sớm xóa bỏ cách làm dàn trải – mỗi hộ được vay một ít vốn bình quân, mà cho vay tập trung theo vùng SX hàng hóa, giúp cho việc chuyển giao khoa học TBKT được thuận lợi. Ngoài ra, để hạn chế hiện tượng nợ đọng, nên khuyến khích những hộ sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả và hoàn trả vốn vay đầy đủ, đúng hạn được tiếp tục vay từ nguồn vốn của Quỹ với số vốn nhiều hơn và thời gian vay dài hơn.

Nguồn nhân lực và trang thiết bị vật chất: Trình độ cán bộ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động QKN. Bởi họ chính là cầu nối trong quá trình phổ biến, tổ chức và giám sát hoạt động của Quỹ đến với người dân. Tuy nhiên trình độ của cán bộ KN và cán bộ làm công tác chuyên quản lý QKN ở các cấp còn hạn chế và không đồng đều, hầu hết chưa qua đào tạo về nghề nghiệp tín dụng – ngân hàng. Do vậy, công tác triển khai, quản lý, thẩm định các phương án vay vốn còn chậm, ảnh hưởng tới tiến độ đầu tư của các hộ, nhất là việc quản trị rủi ro về quản lý vốn. Vì thế, một trong những chiến lược quan trọng trong hoạt động QKN là tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức và tăng cường các lớp bồi dưỡng, phối hợp với một số ngân hàng để tổ chức tập huấn nghiệp vụ

tín dụng cho cán bộ làm công tác quản lý, sử dụng và bảo toàn QKN...

Ngoài trình độ thì điều kiện làm việc cũng có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động QKN. Hiện nay, do nguồn kinh phí có hạn nên cơ sở vật chất phục vụ cho cán bộ KN và cán bộ làm công tác chuyên quản lý, tuyên truyền QKN trên địa bàn chưa đáp ứng đủ. Đặc biệt ở cấp xã, hầu hết các Ban KN chưa có phòng làm việc riêng hoặc chất lượng xuống cấp. Vì vậy, trong thời gian tới cần đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để tạo điều kiện làm việc thuận lợi hơn.

3.5. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và nhân rộng QKN

Điều chỉnh cơ chế chính sách: Cần xem xét, nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi một số nội dung trong Quyết định số 142/2007 của UBND thành phố về quản lý và sử dụng QKN. Quy trình thủ tục cho vay, quy trình thẩm định theo hướng đơn giản, gọn nhẹ, phù hợp với người dân. Tăng mức vốn cho vay, nới rộng thời gian cho vay đối với các hộ có quy mô SX lớn... để phát huy hết hiệu quả của Quỹ. Từ thành công của mô hình QKN Hà Nội, Bộ NN&PTNT cần giao TTKN quốc gia xây dựng phương án, cơ chế, chính sách giúp các tỉnh, thành phố thành lập QKN.

Hoàn thiện tổ chức và cách thức quản lý: Về phương thức quản lý, cần nhận định rõ ràng hoạt động QKN thực chất liên quan nhiều đến nghiệp vụ tín dụng, hoạt động cũng giống như một ngân hàng nên phải xây dựng cơ chế hoạt động và các phương án bảo tồn vốn hiệu quả thì QKN mới bền vững. Về tổ chức QKN, cần kiện toàn bộ máy quản lý theo hướng phân cấp mạnh cho cơ sở, đổi mới quy trình tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra, giám sát,... để nâng cao hiệu quả sử dụng và giải ngân vốn đúng kế hoạch, đồng thời nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ.

Tăng khả năng tiếp cận và sử dụng hiệu quả QKN: Hộ SXNN vay vốn từ QKN không những được tiếp cận nguồn vay với mức phí thấp, mà quan trọng hơn là được cán bộ KN trực tiếp hướng dẫn, chuyển giao TBKT và kỹ năng quản lý nông trại, sử dụng đồng vốn vay với hiệu quả tốt nhất. Tiến hành cải cách thủ tục hành chính, quy chế nhằm hạn chế tình trạng thủ tục hồ sơ, thẩm định, phê duyệt,... các dự án vay vốn phức tạp.

Tăng cường nguồn vốn: Theo nghiên cứu cho thấy hiện nay nhu cầu vay vốn từ nguồn QKN của người dân trên địa bàn Thành phố là rất lớn. Để tạo điều kiện cho nông dân được tiếp cận nguồn vốn ưu

đãi, UBND thành phố cần cấp bổ sung vốn cho nguồn vốn QKN hàng năm 50 tỷ đồng để giúp nhiều hộ SXNN được tiếp cận với nguồn Quỹ này. QKN cần chủ động huy động vốn từ các nguồn như các doanh nghiệp, của các nhà tài trợ, và các tổ chức phi chính phủ... để phát triển QKN.

Phát huy phương thức quản lý, giám sát cộng đồng: Thúc đẩy hiệu quả mô hình QKN Hà Nội, thì biện pháp không thể thiếu đó là phát huy phương thức quản lý, giám sát cộng đồng. Có nghĩa tăng cường sự tham gia của người dân trong việc tìm hiểu nhu cầu về vốn, lập, thực hiện kế hoạch và giám sát đánh giá hoạt động QKN.

4. Kết luận

QKN được xem là một đòn bẩy thúc đẩy phát triển nông nghiệp – nông thôn Thành phố Hà Nội. Theo điều tra cho thấy, hiệu quả mà QKN đem lại không thể phủ nhận được, số hộ SXNN được vay vốn từ QKN ngày càng tăng, với mức vốn vay/lượt cao hơn hẳn so với các nguồn vay khác. Tạo ra cơ hội phát triển sản xuất với những mô hình nổi bật cũng như giải quyết được vấn đề lao động nông thôn.

Tuy nhiên, kết quả điều tra cũng phản ánh phần lớn các hộ chưa nắm bắt rõ thông tin về nguồn vay QKN, thủ tục vay vẫn còn phức tạp, mức vay của Quỹ vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu về vốn ngày càng tăng. Ngoài ra, thời gian cho vay QKN còn ngắn đối với các hộ có quy mô sản xuất lớn. Những vấn đề trên tạo nên rào cản đến khả năng tiếp cận và sử dụng vốn có hiệu quả.

Nghiên cứu nhận thấy điều kiện để Quỹ hoạt động hiệu quả và có thể nhân rộng được cần thực hiện tốt các yếu tố chủ yếu sau: Môi trường pháp lý, chính sách; công tác quản lý rủi ro; nguồn tài chính; năng lực cán bộ, điều kiện cơ sở vật chất; và điều kiện về cơ chế tổ chức quản lý.

Như vậy, để phát triển mô hình QKN trước tiên phải nghiên cứu, đánh giá toàn diện về tổ chức – hoạt động của Quỹ. Đồng thời QKN cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau: Điều chỉnh cơ chế chính sách minh bạch, rõ ràng; hoàn thiện tổ chức và cách thức quản lý đơn giản hơn; tăng khả năng tiếp cận vốn cho người dân; huy động thêm nguồn tài chính cho Quỹ. Mặt khác phát huy phương thức quản lý, giám sát cộng đồng để sử dụng hiệu quả nguồn vốn, từ đó mới có thể phát triển và nhân rộng mô hình hoạt động của QKN. □

Tài liệu tham khảo:

TTKN thành phố Hà Nội (2013), Báo cáo quyết toán QKN Hà Nội.

UBND thành phố Hà Nội (2002), Quyết định số 26/2002/QĐ-UB ngày 27/02/2002 của UBND Thành phố về việc thành lập QKN Thành phố Hà Nội và ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ.

UBND thành phố Hà Nội (2007), Quyết định số 142/2007/QĐ-UBND ngày 10/12/2007 của UBND Thành phố về việc ban hành quy chế về quản lý và sử dụng QKN thành phố Hà Nội.

Assessment of Organization Model and Performance of the Hanoi Agricultural Extension Fund

Abstract:

In order to accelerate the process of development, the Government has promulgated a series of policies for agricultural development, including the reform of agricultural extension and the establishing of the agricultural extension fund. This study shows that the organization and performance of this Fund initially solve financial resources which are the urgent issue of current agricultural production. However, the results also indicate that the demand for loans of farmers is still very big and the ability to access concessional resources is limited. Based on the methods of economic statistics and PRA techniques, the article focuses on the assessment for the organizational model and performance of this Fund in Hanoi, and finds out the limitations existed, then proposes a number of measures to improve the effectiveness and replicability of the model of motivation fund.

Thông tin tác giả:

***Phạm Bảo Dương**, Phó giáo sư, tiến sĩ

- Nơi công tác: Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Nông nghiệp, nông thôn, xóa đói giảm nghèo...

- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: tạp chí Kinh tế và phát triển, tạp chí Phát triển kinh tế, tạp chí Nghiên cứu Kinh tế,...

Email: pbduong@hua.edu.vn.

****Đậu Thị Bích Hoài**, học viên cao học

- Nơi công tác: Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

*****Nguyễn Thị Thanh Minh**, thạc sĩ

- Nơi công tác: Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Cao đẳng Kinh tế- Kỹ thuật TW.